

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng nhà máy chế biến chè và trồng chè tại huyện Sìn Hồ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 950/TB-STNMT ngày 20/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng nhà máy chế biến chè và trồng chè tại huyện Sìn Hồ, kèm theo Biên bản họp hội đồng thẩm định dự án ngày 18/4/2023;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2289/TTr-STNMT ngày 28/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng nhà máy chế biến chè và trồng chè tại huyện Sìn Hồ (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển chè Tam Đường (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phìn Hồ và xã Xà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh công khai danh sách Hội đồng thẩm định và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, CT, KH&CN, XD, GTVT;
- Phòng TNMT huyện Sìn Hồ;
- UBND các xã Phìn Hồ, Xã Dề Phìn H.Sìn Hồ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công khai);
- CB, HCC;
- V1, V3;
- Lưu: VT, Kt7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CHÈ VÀ TRỒNG CHÈ
TẠI HUYỆN SÌN HỒ**

*(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày/...../2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)*

1. Thông tin chung về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng nhà máy chế biến chè và trồng chè tại huyện Sìn Hồ.
- Địa điểm thực hiện:
 - + Khu vực xây dựng nhà máy chế biến chè tại xã Phìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
 - + Khu vực thực hiện mô hình điểm trồng phát triển cây chè tại xã Xà Dè Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển chè Tam Đường.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi, quy mô

Tổng diện tích sử dụng đất là 13,76 ha, trong đó: Khu vực xây dựng nhà máy chế biến chè với diện tích sử dụng đất là 3,19 ha; khu vực thực hiện mô hình điểm trồng phát triển cây chè với diện tích đất sử dụng 10,57 ha.

1.2.2. Công suất

- Công suất thiết kế nhà máy chế biến chè: 600 tấn chè thành phẩm/năm.
- Trồng phát triển cây chè diện tích 10,57 ha.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Sản xuất chè bằng dây truyền thiết bị công nghệ được chế tạo tại Việt Nam chuyên dụng cho sản xuất chè.
 - Quy trình dây truyền công nghệ: Chè xanh được thu hái từ vùng nguyên liệu được kiểm tra đưa vào dây truyền sản xuất (lần lượt qua các máy móc, thiết bị kiểm tra, bảo quản-> hong héo -> kiểm tra -> xào chè -> làm nguội chè -> ủ chè -> vò chè -> kiểm tra -> sấy chè -> thành phẩm -> nhập kho, đóng bao kiểm tra sản phẩm) tạo ra sản phẩm là các loại chè: Chè Phổ Nhĩ, chè phơi, chè xanh, chè vàng, chè trắng... Lưu kho thành phẩm, xuất sản phẩm đi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- 1.4.1. Khu vực xây dựng nhà máy chế biến chè tại xã Phìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu**

- Tổng diện tích đất sử dụng để xây dựng nhà máy chế biến chè là 3,19 ha, bố trí xây dựng các công trình chính và phụ trợ: Nhà làm việc và điều hành, nhà xưởng, kho thành phẩm và vật tư, nhà ở công nhân, nhà bảo vệ, nhà kiểm tra chất lượng sản phẩm, sân đường nội bộ, sân phơi chè. Hạ tầng phụ trợ: nhà xe, nhà vệ sinh công cộng, cống, tường rào, san nền, bể nước, trạm bơm, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, sân bê tông, bồn hoa, rãnh thoát nước, hệ thống PCCC...

1.4.2. Khu vực thực hiện mô hình điểm trồng phát triển cây chè tại xã Xà Xè Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

Trồng phát triển cây chè diện tích 10,57 ha.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là chuyển đổi mục đích sử dụng 11,49 ha đất rừng phòng hộ hiện trạng đất không có rừng.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn xây dựng: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, tập kết máy móc thiết bị và nguyên vật liệu, thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt dây truyền thiết bị sản xuất chè, hoạt động của công nhân sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt,... gây ảnh hưởng đến môi trường không khí, môi trường nước, cảnh quan môi trường khu vực dự án...

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, mùi hôi, chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của cán bộ quản lý, công nhân, người lao động...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn san gạt và thi công các hạng mục công trình ước tính khoảng 1,6 m³/ngày (24 giờ); nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn lắp đặt thiết bị dây truyền chế biến chè khoảng 0,8m³/ngày (24 giờ). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, N, P, Coliform.

- Nước thải xây dựng: Khoảng 11 m³/ngày (24 giờ). Thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày (24 giờ) với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, N, P, Coliform.

- Nước thải từ rửa sàn nhà máy: Khoảng 02 m³/ngày (24 giờ) với thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông và hoạt động xây dựng, lắp đặt thiết bị của dự án. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: NO_x, SO₂, CO, bụi,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án và các hoạt động dự án. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: NO_x, SO₂, CO, bụi,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đốt than của dự án: 60,76 m³/giờ với thành phần đặc trưng NO_x, SO₂, CO, bụi.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh khoảng 09 kg/ngày trong giai đoạn san gạt, thi công các hạng mục công trình và lắp đặt thiết bị dây chuyền chế biến chè.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 13,5 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 127 tấn trong giai đoạn san gạt và thi công các hạng mục công trình, thành phần gạch vụn, vỏ bao xi măng, vật liệu dư thừa, vỏ thùng gỗ chứa thiết bị...;

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn thông thường từ hoạt động sản xuất phát sinh khoảng 11.000 kg/năm; thành phần chủ yếu là chè vụn, bao bì, nilon; Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát cỏ chè (cây cỏ) khoảng 43,97 tấn/năm.

3.2.3. Quy mô, tính chất chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Khoảng 255 kg trong suốt quá trình xây dựng (phát sinh từ giai đoạn san gạt và thi công các hạng mục công trình). Thành phần chủ yếu: Dầu mẫu que hàn, cặn sơn, chổi quét sơn, giẻ lau, găng tay dính sơn, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, acquy...

- Giai đoạn vận hành: Khoảng 145 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật, dầu thải từ máy phát điện, từ động cơ ô tô, dầu nhớt từ quá trình bôi trơn, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, pin.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công

- Phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công, hàn, cắt...

- Tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép của tiếng ồn tại nơi làm việc (tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp).

- Độ rung đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm; hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, xe nâng hàng chuyên dụng; hoạt động của hệ thống quạt thông gió nhà xưởng, nhà kho; hệ thống thu gom xử lý bụi tại nhà xưởng; máy móc thiết bị sản xuất.

- Độ rung: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động xe nâng, xe tải, đặc biệt là hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt

+ Giai đoạn san gạt mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc, thiết bị: Đơn vị nhà thầu thi công sẽ xây dựng 04 nhà vệ sinh và 01 bể tự hoại 3 ngăn bằng bê tông thể tích 5m^3 , kích thước $L \times B \times H = 2,5\text{m} \times 2\text{m} \times 1\text{m}$ đặt tại khu nhà ở công nhân và gần khu vực thi công; Sau khi được xử lý qua bể tự hoại nước thải theo 01 đường ống HDPE D90 chiều dài 30m tự chảy ra môi trường tiếp nhận là suối Nậm Mạ, bùn cặn từ bể tự hoại sau khi kết thúc thi công thuê đơn vị có chức năng đến hút bằng xe chuyên dụng.

+ Giai đoạn vận hành: Sử dụng 02 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m^3 , kích thước $L \times B \times H = 2,5\text{m} \times 2\text{m} \times 1\text{m}$ đặt tại với khu nhà ở công nhân với thiết kế 05 nhà vệ sinh, tại khu nhà làm việc với thiết kế 05 nhà vệ sinh và tại khu nhà vệ sinh công cộng với thiết kế 04 nhà vệ sinh. Nước thải sau khi qua bể tự hoại, nước thải từ nhà bếp, nước thải từ bồn rửa tay, nước vệ sinh sàn, tắm giặt sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được xây dựng phía sau khu nhà ở công nhân. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (phía sau bể tự hoại) thể tích 15m^3 , kích thước $L \times B \times H = 5\text{m} \times 2\text{m} \times 1,5\text{m}$, nước thải xử lý đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó tự chảy qua đường ống HDPE D90 chiều dài 10m ra môi trường tiếp nhận là suối Nậm Mạ. Cặn ở bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút bằng xe chuyên dụng.

- Nước thải xây dựng giai đoạn thi công: Xử lý bằng bể lắng có thể tích 12m^3 , kích thước $L \times B \times H = 3\text{m} \times 2,5\text{m} \times 2\text{m}$, bể được xây bằng gạch chỉ, trát, láng xi măng chống thấm, nước thải sau khi được xử lý thoát ra môi trường tiếp nhận là suối Nậm Mạ. Cặn ở bể lắng xúc đổ vào khu vực trũng trong sân nhà máy.

4.1.2. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Các phương tiện giao thông vận tải và các máy móc thi công cơ giới phải sử dụng đúng với thiết kế của động cơ, không hoạt động quá công suất thiết kế.

- Không sử dụng các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị quá cũ và không chở quá tải. Khi bốc dỡ máy móc thiết bị, công nhân bốc dỡ được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ để hạn chế ảnh hưởng của bụi.

- Đất đá phát sinh do đào móng thi công các hạng mục công trình phát sinh tới đâu vận chuyển san lấp tới đó, nếu dư cuối ngày vận chuyển ra đắp vào khu vực dự kiến trồng cây xanh.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển đạt tiêu chuẩn theo quy định về đăng kiểm.

- Các phương tiện đi vào khu vực dự án phải đậu đúng vị trí, tắt máy xe và sau khi bốc dỡ máy móc thiết bị xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

- Tài xế phải tuân thủ các quy định về luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi lưu thông.

- Bố trí thời gian vận chuyển thích hợp, hạn chế vận chuyển máy móc thiết bị vào giờ cao điểm.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa.

- Phun ẩm sân đường nội bộ, đặc biệt là khu vực công ra vào khu vực vào những ngày hanh khô.

- Vệ sinh công trường sau mỗi ca làm việc.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động giao thông ra vào dự án, hoạt động vận chuyển nguyên liệu chè, vật tư, phân bón và thành phẩm:

- + Bố trí nhà xe gần cổng ra vào nhằm hạn chế xe di chuyển trong khuôn viên giảm bụi, khí thải và yêu cầu tài xế tắt phương tiện khi đậu làm việc tại dự án.

- + Sân đường giao thông nội bộ được bê tông hóa nhằm hạn chế phát tán bụi. Phân công nhân viên quét dọn, thu gom rác sân đường nội bộ xử lý cùng rác thải sinh hoạt để hạn chế bụi phát tán do gió cuốn.

- + Có lịch vận chuyển cụ thể, đảm bảo thời gian vận chuyển không kéo dài.

- + Tuyên truyền nhắc nhở chủ phương tiện không chở quá tải.

- + Dùng nhiên liệu đúng thiết kế của động cơ, thực hiện bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe tải vận chuyển thuộc tài sản của Công ty, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các loại khí thải.

- Giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động sản xuất chè:

- + Nguyên liệu được nhân viên Công ty kiểm tra tại nơi bán, chỉ nhập nguyên liệu khi đạt yêu cầu.

+ Nhà xưởng, nhà kho được thiết kế rộng, kín, nền nhà được bê tông hóa. Lắp đặt quạt thông gió công nghiệp chuyên dụng để thông gió, làm mát, làm thông thoáng môi trường, hút mùi, hút bụi,...

+ Dây chuyền sản xuất hiện đại, mới hoàn toàn và được bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo năng suất hoạt động tối ưu nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh.

+ Tại các vị trí phát sinh bụi, khí thải trong dây chuyền sản xuất như xào chè, sấy chè... toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động chế biến chè được dẫn về hệ thống lọc bụi ly tâm dưới sự hỗ trợ của quạt hút. Không khí lẫn bụi đi vào buồng ly tâm dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi được tách ra khỏi dòng khí rơi xuống khoang chứa. Dòng khí thải sau khi được tách bụi tiếp tục theo đường ống dẫn về bể hấp thụ (trong bể chứa $\text{Ca}(\text{OH})_2$) tại bể các khí SO_2 , CO_2 được hấp phụ thành các chất kết tủa lắng trong bể và phần khí sạch sau khi ra khỏi bể sẽ được thải ra ngoài môi trường theo ống khói.

Bộ thu gom, xử lý bụi của dự án gồm: 01 hệ thống đường ống thu gom; 01 quạt hút; 01 hệ thống lọc bụi; 01 bể hấp thụ dòng khí thải có dung tích 6 m^3 ; 01 ống khói từ máy xào chè vật liệu bằng thép inox, đường kính 0,3 m, có chiều cao 6m, bố trí 01 lỗ lấy mẫu khí thải; 01 ống khói từ máy sấy chè vật liệu bằng thép chống gỉ, đường kính 0,5 m, có chiều cao 10m, bố trí 01 lỗ lấy mẫu khí thải.

+ Hàng ngày sau mỗi ca làm việc tại các khu vực nhà xưởng, nhà kho sẽ được vệ sinh sạch sẽ.

+ Công nhân trực tiếp tham gia vào sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: khẩu trang, ủng, quần áo bảo hộ lao động....

+ Trồng, chăm sóc cây xanh để tạo không gian trong lành, điều hòa không khí và cảnh quan.

4.1.3. Công trình và biện pháp thu gom, thoát nước mặt, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn xây dựng: Bố trí hệ thống rãnh đất kích thước $L \times B \times H = 200 \text{ m} \times 0,4 \text{ m} \times 0,4 \text{ m}$ (độ dốc 2%) để thu toàn bộ nước mưa trên mặt bằng diện tích dự án. Tại những chỗ ngoặt trên rãnh thoát nước bố trí các hố lắng cạn kích thước $L \times B \times H = 0,6 \text{ m} \times 0,6 \text{ m} \times 0,6 \text{ m}$ trước khi chảy vào môi trường tiếp nhận là suối Nậm Mạ.

b) Giai đoạn vận hành: Hệ thống thu, thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu, thoát nước thải. Lắp đặt hệ thống máng thu và các ống đứng thu gom, dẫn nước mưa từ mái xuống rãnh thoát nước mưa. Rãnh thoát nước mưa là hệ thống rãnh bê tông được thiết kế hình thang có kích thước $L \times B \times H = 0,6 \text{ m} \times 0,4 \text{ m} \times 0,4 \text{ m}$ (độ dốc 2%) chạy bám theo các trục đường giao thông nội bộ và xung quanh khuôn viên nhà máy để thu toàn bộ nước mưa trên mặt bằng diện tích dự án. Trên đường thoát nước mưa, tại những chỗ ngoặt bố trí các hố ga để thu cạn lắng kích thước $(1,5 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} \times 1,5 \text{ m})$ rồi tự chảy vào môi trường tiếp nhận là suối Nậm Mạ.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn từ hoạt động phát quang

Thực vật bị chặt phát quang sẽ cho người dân thu gom về làm chất đốt sinh hoạt trong gia đình. Số lượng còn lại sẽ tập trung tại 01 hố thu có kích thước 2mx2mx1m trong khu vực dự án, sau đó đốt và theo dõi suốt quá trình đốt, rác được đốt thành từng đọt để hạn chế sự cháy lan và dễ kiểm soát.

b) Chất thải rắn xây dựng

- Trong giai đoạn san gạt mặt bằng, thi công các hạng mục công trình: Thu gom, phân loại tại nguồn theo giá trị sử dụng: Gạch vỡ, bê tông, vữa,... sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ; đất đá đào dư sử dụng để bồi đắp cho khuôn viên cây xanh; vỏ bao bì xi măng, sắt thép vụn, bao bì carton thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Trong thời gian lắp đặt dây truyền thiết bị sản xuất: Chủ yếu là thùng giấy, nhựa dẻo và kim loại được thu gom bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn.

c) Chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Thực hiện thu gom, phân loại rác tại nguồn; bố trí các thùng riêng biệt có nắp đậy để phân loại rác theo đúng quy định. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom vào thùng chứa màu xanh lam và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn. Chất thải hữu cơ được thu gom vào thùng màu xanh lá; chất thải không có khả năng tái chế được thu gom vào thùng màu đen, với tần suất 01 lần/ngày và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Giai đoạn vận hành: 100% chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại tại nguồn. Bố trí các thùng riêng biệt có nắp đậy để phân loại rác theo đúng quy định. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế như chai nhựa, chai thủy tinh, vỏ lon, hộp giấy, bìa carton, hộp xốp, can, thùng... được thu gom vào các thùng chứa màu xanh lam và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn. Chất thải hữu cơ có nguồn gốc từ việc nấu ăn (phần thải bỏ trong quá trình sơ chế thực phẩm), thức ăn thừa và thải ra trong sinh hoạt hàng ngày (bã chè, cà phê...) được thu gom vào thùng màu xanh lá; chất thải không có khả năng tái chế như túi nilon, bao bì đựng các loại thực phẩm và hàng tiêu dùng (vỏ bánh, vỏ kẹo các loại,...), dầu thuốc lá, rác thải khác từ quá trình quét dọn, vệ sinh nhà cửa (cành cây, lá cây) được thu gom vào thùng màu đen, với tần suất 1 lần/ngày và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

d) Chất thải rắn sản xuất thông thường

- Nguyên liệu phát sinh từ dây truyền sản xuất được thu hồi lại và sử dụng cho sản xuất phân vi sinh.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát cỏ khu vực trồng và chăm sóc chè được thu hồi lại và sử dụng cho sản xuất phân vi sinh hữu cơ.

- Chất thải xỉ than: Lượng xỉ than phát sinh được Công ty thu gom và sử dụng làm vật liệu xây dựng để xây tường rào cho Công ty và cung cấp cho các đơn vị sản xuất gạch trên địa bàn. Khu vực chứa xỉ than có diện tích 100 m² được quy hoạch khu Tây Nam dự án.

4.2.2. Chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công: Khi có CTNH phát sinh, nhà thầu xây dựng và công nhân tham gia thi công có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ thu gom, phân loại vào các thùng đựng CTNH riêng biệt có nắp đậy và dán mã CTNH. Thùng đặt trong nhà kho diện tích 20m² xây bằng gạch và mái bằng tôn, nền tráng vữa chống thấm nước.

b) Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại sẽ được thu gom và lưu giữ vào các thùng đựng CTNH riêng biệt có nắp đậy và dán nhãn CTNH. Thùng đặt trong nhà kho có diện tích 20 m² đã được lắp đặt từ giai đoạn xây dựng.

c) Hợp đồng với các đơn vị được cấp giấy phép thực hiện dịch vụ thu gom, xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép theo đúng quy định pháp luật với tần suất 01 lần/năm.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Sử dụng các loại máy móc thiết bị mới, chất lượng tốt, khả năng gây ồn thấp; thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị và lập kế hoạch thời gian làm việc phù hợp. Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công và khu dân cư; thường xuyên bảo dưỡng và kiểm tra các loại phương tiện vận chuyển, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Lắp đặt máy móc đúng quy cách; máy móc thiết bị được kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt; tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị; theo dõi tuổi thọ của thiết bị; định kỳ 3 tháng/lần tiến hành duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa; bố trí thời gian lao động hợp lý; trang bị thiết bị bảo hộ cho công nhân vận hành.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Sự cố rủi ro, cháy nổ

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy; phổ biến nội quy, tổ chức kiểm tra an toàn về điện; công nhân được huấn luyện đề thao tác đúng kỹ thuật và nắm vững các phương pháp xử lý các sự cố cháy nổ; thực hiện nghiêm nội quy phòng cháy chữa cháy; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân lắp đặt, yêu cầu công nhân phải tuân thủ đầy đủ.

b) Giai đoạn vận hành: Xây dựng, hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa đã được bố trí an toàn; trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy; duy trì hệ thống đường đảm bảo cho xe cứu hỏa ra vào thuận tiện, bảo đảm tia nước phun từ vòi phun của xe cứu hỏa có thể phun đến bất kỳ vị trí nào của phân xưởng phát sinh lửa; lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng như nóc nhà.

4.4.2. An toàn lao động

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân và yêu cầu mặc đầy đủ khi làm việc; bố trí thời gian làm việc hợp lý, tạo môi trường làm việc tốt cho công nhân; không chế các nguồn gây ô nhiễm để tránh các bệnh nghề nghiệp; tuyển dụng công nhân có tay nghề, kỹ năng chuyên môn về vận hành máy móc; tất cả các khu vực có người và thiết bị làm việc phải được chiếu sáng đảm bảo cho người và thiết bị làm việc an toàn, hiệu quả.

4.4.3. Xói mòn, rửa trôi, sụt lún, sạt lở

a) Tại khu vực nhà máy

- Thực hiện nghiêm chỉnh công tác vạch tuyến thu gom và thoát nước mưa chảy tràn khu vực nhà máy như đã cam kết phần giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn gây ra.

- Thường xuyên kiểm tra sự ổn định các sườn dốc trong khu vực nhà máy, đặc biệt nơi có tầng đất phủ dày để đảm bảo không bị sạt trượt, sụt lún, lở đất trong các trận mưa to gây tổn thất về người và tài sản của nhà máy.

b) Tại khu vực trồng và chăm sóc chè: Thực hiện cắt cỏ theo từng khu vực, hạn chế tối đa việc mất lớp phủ bề mặt trên diện rộng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện quản lý môi trường trong từng giai đoạn của dự án (chương trình quản lý môi trường chi tiết nêu tại báo cáo ĐTM được phê duyệt).

5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

5.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng thông thường

- Vị trí các điểm giám sát: Tại khu vực thu gom, lưu trữ.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng thông thường.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý.

- Thực hiện theo quy định Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi hàng ngày và khi có chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà lưu trữ chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, lưu giữ, tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

c) Giám sát môi trường nước thải, môi trường không khí: Dự án không đề xuất vị trí quan trắc và số lượng mẫu môi trường.

5.2.2. Giai đoạn hoạt động

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường

- Tần suất giám sát: Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi hàng ngày.

- Vị trí giám sát: Khu vực thu gom, lưu trữ;

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi hàng ngày và khi có chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà lưu trữ chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, lưu giữ, tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

c) Giám sát khí thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt quá trình hoạt động.
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại ống khói số 1; 01 điểm tại ống khói số 2.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi tổng, lưu huỳnh đioxit (SO₂), nitơ oxit NO_x (tính theo NO₂), cacbon oxit (CO).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

+ QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

d) Giám sát sự cố môi trường và giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên kiểm tra các vị trí có khả năng xảy ra sự cố môi trường và cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi hàng ngày.

- Vị trí giám sát: Khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Sự cố môi trường có thể xảy ra; công tác phòng cháy chữa cháy; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Việc triển khai thực hiện dự án phải đảm bảo đúng theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc các cam kết của chủ đầu tư trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý đất đai, an toàn điện, phòng, chống thiên tai và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; chủ động huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ ứng phó với các tình huống thiên tai, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng mất an toàn tại khu vực Dự án trong quá trình thi công và vận hành.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã đề xuất thực hiện.